



LES MAINS DE MA GRAND-MÈRE

(Source: Anonyme)

Đôi Tay Của Ngoại

(Nguồn: Vô Danh, Thái Lan chuyển ngữ)

Ma grand-mère, ayant plus de 90 ans, était assise, l'air affaibli sur le banc du patio. Elle ne bougeait pas, seulement assise, la tête vers le bas, fixant ses mains.

Quand je me suis assise auprès d'elle, elle ne bougea pas, aucune réaction.

Je ne voulais pas la déranger, mais après un long moment de silence,

je me suis informé si elle était correcte.

Elle leva la tête et me sourit.

- Oui je suis correcte, merci de t'en informer. Dit-elle de sa voix forte et claire.

- Je ne voulais pas vous déranger, grand-mère, mais vous étiez assise là, fixant vos mains et je voulais savoir si tout était correct pour vous.

Lui ai-je dit.

- As-tu déjà regardé tes mains? Me dit-elle.

- Je veux dire vraiment regarder tes mains?

Bà Ngoại tôi đang ngồi chơi ngoài hàng hiên. Bà đã bước qua tuổi 90, thập cửu cổ lai hy.

Bà ngồi bất động, chỉ im lặng như vậy, đầu cúi xuống, và nhìn chăm chú vào đôi tay mình.

Khi tôi đến ngồi gần bà, bà cũng không phản ứng, vẫn ngồi im.

Tôi không muốn quấy rầy bà, nhưng sau một lúc im lặng, tôi muốn biết mọi việc vẫn ổn với bà không.

Bà ngẩng đầu lên, và mỉm cười với tôi.

- Bà không sao cháu à, cảm ơn cháu đã quan tâm nhé cháu. Bà nói bằng một giọng to và rõ.

Tôi nói với bà:

- Cháu không muốn phiền bà, bà ơi, nhưng cháu thấy bà cứ ngồi như vậy, chỉ nhìn vào đôi tay mình, cháu muốn biết mọi việc có ổn không, thưa bà.

J'ai alors lentement ouvert mes mains et les fixai.
Les retournai, m'en frottai les paumes.
- Non, je pense que je n'ai pas vraiment regardé mes mains.
Lui dis-je et me demandant ce qu'elle voulait dire.
Grand-mère me sourit et me raconta cette histoire.
"Arrêtes toi et réfléchis un peu au sujet des mains que tu as, comment elles t'ont si bien servi depuis ta naissance.
Mes mains, ridées, desséchées et affaiblies ont été les outils que j'ai toujours utilisés pour étreindre la vie.

Elles m'ont permis de m'agripper et d'éviter de tomber quand je trottais lorsque j'étais enfant.
Elles ont porté la nourriture à ma bouche et habillée.
Enfant, ma mère m'a montré à les joindre pour prier.
Elles ont attaché mes souliers et mes bottes.
Elles ont touché mon mari et essuyé mes larmes quand il est parti à la guerre.

- Cháu đã bao giờ nhìn vào đôi tay mình chưa cháu? Bà hỏi tôi.
- Nghĩ là cháu đã nhìn thật kỹ vào đôi tay chưa?
Tôi liền từ từ xoè tay mình ra và nhìn thật chăm chú.
Tôi lật tới lật lui, và xoa hai tay vào nhau.
Tôi trả lời bà:
- Thưa bà không ạ, cháu nghĩ là cháu chưa bao giờ nhìn chăm vào bàn tay. Tôi nói mà vẫn chưa hiểu bà muốn nói gì.
Bà liền mỉm cười và kể cho tôi nghe câu chuyện như sau:
"Cháu hãy chú tâm và suy nghĩ về đôi tay của cháu, cháu có bao giờ tự hỏi chúng đã phục vụ cho cháu như thế nào từ khi cháu được sinh ra chưa?
Đôi bàn tay của bà, nhăn nheo, khô héo và trở nên yếu mềm từng là công cụ bà đã dùng để ôm giữ cuộc sống.
Lúc bà còn bé chúng đã giúp bà bám thật chặt và giúp bà không trượt ngã khi bà lẫm chẫm bước đi.
Chúng đã đưa thức ăn lên miệng bà và giúp bà mặc áo quần.
Mẹ của bà đã dạy bà áp chúng vào nhau để cầu nguyện.
Chúng đã giúp bà buộc dây giày và ủng.
Chúng đã chạm vào ông và đã

Elles ont été sales, coupées et rugueuses et enflées.

Elles ont été maladroitement quand j'ai tenté de tenir mon premier enfant.

Décorées avec ma bague de mariage, elles ont montré au monde que j'aimais quelqu'un d'unique et spécial.

Elles ont écrit mes lettres à ton grand-père, et ont tremblé quand je l'ai enterré.

Elles ont tenu mes enfants, ensuite mes petits enfants, consolé les voisins et tremblées de rage quand je ne comprenais pas.

Elles ont couvert ma figure, peigné mes cheveux et lavé mon corps.

Elles ont été collantes et humides, sèches et rugueuses.

Aujourd'hui, comme rien ne marche vraiment plus comme avant pour moi, ces mains continuent de me soutenir et je les joins encore pour prier. Ces mains portent la marque de ce que j'ai fait et des accidents de ma vie.

Mais le plus important est que ce seront ces mêmes mains que Dieu attrapera pour m'amener avec lui dans son Paradis.

lau nước mắt cho bà khi ông ra trận chiến đấu.

Chúng đã rất bẩn, đã bị cắt đi, thô ráp và sưng tấy.

Chúng đã rất vụng về khi bà dùng chúng để bồng bế đứa con đầu lòng của mình.

Khi chúng trở nên đẹp thêm với chiếc nhẫn cưới, chúng đã cho mọi người biết rằng bà đã yêu một người duy nhất và thật đặc biệt.

Chúng đã viết nên những bức thư gửi cho ông của cháu, và chúng đã thật run rẩy ngày bà đi chôn cất ông.

Chúng đã ôm giữ các con, rồi các cháu của bà, đã an ủi xóm giềng và đã run bật lên vì giận dữ khi bà không hiểu được điều gì.

Chúng đã ôm lấy gương mặt của bà, chải tóc cho bà và lau rửa thân thể của bà.

Chúng đã rất ẩm ướt và nhớp nháp, khô và chai sần.

Và giờ đây, khi mà mọi việc không được trôi chảy như trước đây cho bà nữa, đôi tay này vẫn tiếp tục hỗ trợ bà và bà vẫn chấp chúng lại để nguyện cầu.

Đôi tay này mang dấu ấn những gì bà đã làm và cả những sự cố trong suốt cuộc đời của bà.

Nhưng điều quan trọng nhất là cũng chính đôi tay này sẽ

Avec elles, Il m'élèvera à ses cotés.

Et là, je pourrai les utiliser pour toucher la face du Christ."

Pensive, je regardais ses mains et les miennes.

Je ne les verrai jamais plus du même œil. Plus tard, Dieu tendit ses mains et attira grand-mère à lui.

Quand je me blesse les mains, quand elles sont sensibles, ou quand je caresse le visage de mes enfants ou de mon époux, je pense à grand-mère. Je sais qu'elle a été soutenue par les mains de Dieu.

Et je veux, moi aussi, un jour, toucher la face de Dieu et sentir

Ses mains sur mon visage.

&&&&&



được Thượng Đế nắm giữ để đem bà đi cùng Ngài lên Thiên Đàng của Ngài. Ngài sẽ sử dụng chúng để nuôi nấng dạy bảo bà bên cạnh Ngài. Và cháu biết không, ở đó bà sẽ có thể dùng chúng để chạm vào thánh nhan Thiên Chúa."

Ngồi trầm tư, tôi nhìn đôi tay của bà và của tôi.

Từ nay tôi sẽ không nhìn chúng như tôi đã nhìn trước đây nữa.

Sau đó, Thượng Đế dang tay Ngài ra để đón bà tôi đến với Ngài.

Mỗi khi tay tôi bị thương, hoặc bị nóng lạnh, khi tôi vuốt ve gương mặt các con hoặc người bạn đời của mình, tôi nghĩ đến Ngoại tôi. Và tôi biết rằng bà đã được đôi bàn tay của Thượng Đế nâng đỡ. Về phần tôi, tôi cũng mong muốn một ngày nào đó được chạm vào thánh nhan của Thượng Đế và cảm nhận được đôi tay của Ngài trên mặt mình./.

**MAMAN AUJOURD'HUI,
MAMAN DEMAIN, MAMAN TOUJOURS**



**MẸ HÔM NAY, MẸ NGÀY MAI,
MẸ CỦA MUÔN ĐỜI**

Qu'il est donc noble, ce mot,
et tellement significatif!

Une maman est un trésor
souvent caché, comme tout ce
qui est précieux dans la vie.

Avec beaucoup de regret,
j'aimerais que la mienne soit
ici aujourd'hui, elle me
manque tellement....

Et son absence se fait encore
plus sentir lorsque j'ai de la
peine.

Quel doux soulagement je

Tiếng Mẹ nghe sao mà cao
thượng, sao mà ý nghĩa vô
cùng!

Một người mẹ luôn là một
kho tàng được ẩn kín, như tất
cả những điều quý báu nhất
trên đời.

Mẹ ơi, con ước gì mẹ hiện
hữu với con ngày hôm nay,
con nhớ mẹ vô vàn, con
thương tiếc mẹ của con biết
bao...

Rồi những khi đau khổ con
càng cảm thấy thiếu vắng mẹ
hơn nữa. Chỉ cần nhận biết
được ánh mắt dịu dàng đầy

ressentais en sa présence,
à son simple regard doux et
aimant; toute tristesse
s'envolait et le soleil
réapparaissait.

Jamais personne ne pourra
remplacer dans mon cœur
cet être fait de tendresse et
même le plus dur d'entre nous
s'adoucit lorsqu'il prononce ce
nom si doux à l'oreille.

En présence de notre maman,
nous devenons de petits
enfants.

Maintenant, c'est à mon tour
de faire oublier les tracas des
miens avec un sourire et un
regard rempli d'amour.

Que l'on soit d'un bout à
l'autre du pays, de n'importe
quelle couleur de peau, de
langues différentes, de
métiers professionnels ou
non, si nous avons des
enfants, c'est notre rôle de
mère qui doit être primordial.

Donc, cette journée est la
vôtre et vous la méritez bien,
soyez-en certaines.

yêu thương của mẹ, con đã
cảm thấy được an ủi rất
nhiều; tất cả những buồn đau
đều tan biến và ánh dương lại
xuất hiện, Mẹ ạ.

Người được tạo bằng sự âu
yêm đó, không ai khác có thể
thay thế Mẹ trong lòng tôi, và
ngay cả bất cứ ai tính tình
như sắt thép hoặc khó khăn
nhất cũng dịu giọng lại khi
cất lên tiếng ấy, tiếng gọi
nghe sao êm tai quá ...

Tất cả chúng ta đều trở nên bé
bỏ ấu thơ khi đến với mẹ.

Bây giờ đã đến lúc tôi phải
làm cho những âu lo phiền
muộn của chính các con tôi
biến mất bằng nụ cười và ánh
mắt tràn ngập yêu thương.

Cho dù tất cả chúng ta sống ở
bất cứ làng mạc xứ sở xa xôi
nào, có bất cứ màu da đỏ đen
trắng vàng, với ngôn ngữ
khác hẳn nhau, làm nghề
nghiệp thương thặng hoặc
tâm thường như thế nào đi
nữa, Một khi ta sinh con, thì
vai trò làm mẹ của ta chiếm vị
trí quan trọng nhất.

Nếu bạn biết được điều đó,
thì nguyên cả ngày hôm nay
chắc chắn dành riêng cho bạn
đó, bạn đáng được hưởng như
vậy.

Dans le mot "maman" j'y vois la tendresse, des larmes, de la déception, de la fierté, mais toujours un amour inconditionnel assuré.

Malgré toutes les intempéries que peut apporter la vie aux fils et filles, « maman » est toujours là.

Un de mes fils m'a souvent répété que, lorsque son pied était un peu croche, je savais comment le redresser avec un sourire de satisfaction qu'il pouvait percevoir sur mon visage.

Qui donc mieux qu'une mère peut faire ce miracle d'un simple regard?

Aujourd'hui, je suis très fière d'avoir été avant tout une mère et c'est ma récompense de les voir grandir avec sagesse.

J'en remercie ma « maman » à moi qui m'a donné cette force ou ce caractère capable d'affronter un à un les petits désagréments qui ont fait d'eux ce qu'ils sont

Khi nói đến "Mẹ", tôi nhìn xuyên thấu qua đó sự trìu mến, nước mắt, nỗi thất vọng, niềm tự hào, nhưng luôn luôn đi kèm với một tình yêu thương vô điều kiện vững chắc.

Cho dù mưa gió bão bùng mà cuộc đời có đem đến cho các con dù trai hoặc gái. "Mẹ" luôn luôn bên cạnh các con.

Con trai tôi thường nói với tôi rằng, mỗi một khi chân cháu bị đau, co quắp lại tôi chỉ cần mỉm cười hài lòng khi cháu nhìn tôi thì chân cháu trở lại bình thường.

Chỉ có Mẹ thôi, có còn ai khác có khả năng làm tan biến nỗi đau đớn như là phép màu như thế không?

Ngày hôm nay, giờ đây, tôi đã rất hãnh diện trước hết đã là một người mẹ và tôi thật vui mừng khi nhìn thấy chúng trưởng thành một cách khôn ngoan, tôi tận hưởng món quà vô giá ấy

Tôi cũng luôn biết ơn người "Mẹ" của tôi. Người đã truyền cho tôi sức mạnh hoặc cá tính mạnh mẽ có khả năng đương đầu từng bước một với những phiền toái và giúp chúng trưởng thành để chúng

maintenant.

Être maman, c'est accepter de transmettre des valeurs à la société en lui offrant une relève saine et digne de continuer la trace de tous ceux et celles qui l'ont précédée, en lui inculquant, par-dessus tout, le sens du beau.

Quel magnifique rôle, tellement important et surtout primordial pour l'avenir!

Réfléchissez-y, regardez autour de vous.

Vous y verrez le travail immense accompli par ces très chères mamans.

Une rose bien méritée pour chacune d'elles en cette journée particulière pour des personnes « spéciales » qui auront fait ou feront une génération « extraordinaire »!

(Nguồn: Nicole Girard (Nicky))



được như ngày hôm nay.

Làm Mẹ, là chấp nhận truyền đạt bao nhiêu giá trị cho xã hội bằng cách giao lại công tác lành mạnh và xứng đáng theo gương của những vị tiền bối. Bằng công việc khắc sâu vào tâm trí họ quan điểm về cái đẹp là việc quan trọng hàng đầu.

Ôi, vai trò mới tuyệt diệu làm sao, mới quan trọng làm sao, và nhất là một vai trò thật chủ yếu cho tương lai!

Bạn hãy suy nghĩ đi, hãy nhìn chung quanh bạn.

Bạn sẽ thấy công trình vĩ đại bao la mà những người mẹ quá đổi thân yêu ấy đã thực hiện được. Thế thì mỗi người ấy sẽ được tặng một cành hoa hồng vào ngày đặc biệt hôm nay, họ xứng đáng được như thế, bởi những người "đặc biệt" đã hoặc sẽ tạo nên một thế hệ thật "phi thường"!

(Nguồn: Nicole Girard (Nick)) – Thái Lan chuyển ngữ

ORIGINAL - UN MERCI À MES PARENTS
(MAGICIENNE, le 5/22/2006)



CHA MẸ ƠI!
CON CÁM ƠN CHA MẸ CỦA CON.

L'Amour est un puissant
désherbant et en décidant d'en
arroser la terre vierge de mon
enfance mes Parents ont
empêché que des rétrécisseurs
de Vie y prennent racine.

Ainsi comment aurais-je pu....
Cultiver l'égoïsme
Quand ils partageaient tous
mes bonbons en deux
Cultiver la rancune
Quand ils finissaient mes
journées de colère par un
bisou sur l'oreiller

Cultiver le ciel opaque des
orages
Quand ils me montraient le
soleil derrière les nuages

Tình yêu là một loại thuốc trừ
cỏ rất hữu hiệu và Cha Mẹ tôi
đã quyết định tưới thuốc ấy
thật đậm vào khu vườn tuổi
thơ còn nguyên thủy của tôi,
ngăn cản bao nhiêu nhân tố
làm cho cuộc sống hẹp bớt đi
mà không thể đậm rễ được.

Vì thế,
Làm sao con có thể...
Nuôi lòng ích kỷ, khi cha mẹ
luôn chia kẹo của con ra làm
hai phần.
Làm thế nào con có thể nuôi
lòng hận thù được
Khi sau một ngày giận dữ thì
cha mẹ đã chấm dứt chuỗi
ngày ấy bằng một nụ hôn vào
búi tóc.

Con không thể làm cho bầu
trời xám đen thêm dày đặc
với những cơn giông
Khi mà cha mẹ chỉ cho con

| | |
|---|--|
| Cultiver la jalousie | thấy ánh dương bùng sáng phía sau đám mây đen. |
| Quand ils traitaient chacun de leurs enfants comme un enfant unique | Làm sao con nuôi lòng ganh tị được Khi mà cha mẹ đối xử với tất cả đàn con như thể mỗi đứa là con duy nhất. Cha mẹ của con, |
| Cultiver la honte | Làm sao con có thể nuôi |
| Quand ils glissaient l'humour dans chacun de mes déboires | đưỡng sự nhục nhã |
| Cultiver l'insatisfaction | Khi cha mẹ đã luôn sự hóm hỉnh vào từng nỗi đắng cay |
| Quand ils détournaient mon regard de mon nombril solitaire | của con. Làm sao con có thể duy trì sự bất mãn Khi cha mẹ dạy con phải tránh xa việc tự coi chỉ có thân mình là trên tất cả. Làm sao con có thể nuôi |
| Cultiver la médisance | đưỡng lời vu khống |
| Quand ils dirigeaient mon regard au-delà des apparences | Khi cha mẹ dạy con không nên nhìn vào sắc tướng hào nhoáng bên ngoài. Con không thể nào duy trì nỗi sợ hãi khi cha mẹ luôn giám sát con từ xa. |
| Cultiver la peur | Làm sao con có thể nuôi lòng |
| Quand leur distante bienveillance supervisait mes expériences | ham muốn |
| Cultiver l'envie | Khi mà những mảnh vá của chiếc quần bò con đang mặc là cả một công trình nghệ thuật. |
| Quand les pièces de mes jean's étaient des œuvres d'art | Cha mẹ ơi, làm thế nào con tỏ ra trịch thượng được, vì cha mẹ đã đem con đến với những người cơ cực nhất. |
| Cultiver la supériorité | Cha mẹ dạy con: khi con thua |
| Quand ils me menaient vers les plus démunis | |
| Cultiver l'infériorité | |

Quand ils m'apprenaient à
rester moi même au milieu
des plus grands

Cultiver les cris
Quand ils gonflaient mes
poumons de leurs chants

Cultiver l'abandon
Quand leurs bras solides
réconfortaient mes désespoirs

Cultiver la violence
Quand leur compréhension la
remplaçait.
MAGICIENNE

kém người, con phải biết học
cách giữ nguyên bản chất của
mình khi ở giữa những người
cao sang giỏi giang hơn.

Làm sao con có thể kêu thét
lên để đòi hỏi

Khi cha mẹ đã lấp tràn buồng
phổi con bằng những bài ca
vô tận.

Con không thể nào gieo vào
đầu mình ý nghĩ bị bỏ bê
được

Khi đôi tay rắn chắc của
Người đã làm cho nỗi tuyệt
vọng của con tan biến đi.

Làm thế nào con tỏ ra hung
bạo được

Khi sự thông cảm của cha mẹ
đã khóa lấp được nỗi giận của
con.

MAGICIENNE - TháiLan
dịch

